

Bản án số: 260/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2023

V/v: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tường Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

2. Bà Đoàn Thị Thịnh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 522/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1983; Thường trú: 503 tổ C ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: 903/29 tổ A, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; Thường trú: 503 tổ C ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: 903/29 tổ A, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2022, tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trịnh Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S qua thời gian tìm hiểu hai năm, cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01 ngày 11/4/2006.

Vợ chồng mới về sống chung đã không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Sơn thiếu trách nhiệm với gia đình, không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con và ngày nào cũng rượu chè, cờ bạc, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không có sự chia sẻ, ông S không phụ bà lo cho con, cả hai thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kim C (nữ), sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Quốc B (nam), sinh ngày 14/02/2019. Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông S không có tài sản chung và nợ chung.

Bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn S vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: không đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, bà Trịnh Thị H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, ông Nguyễn Văn S chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01 ngày 11/4/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn S. Đây là tranh chấp về ly hôn, loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn S có địa chỉ cư ngụ tại Quận G nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do. Việc ông S cố tình không đến Tòa tham gia tố tụng là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn, ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn S do phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về tài chính giữa hai vợ chồng, kinh tế gia đình khó khăn nhưng ông S không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên rượu chè, cờ bạc về kiếm chuyện đánh mắng vợ con, bà H đã cố chịu đựng trong thời gian dài nhưng đến nay thì không thể tiếp tục chịu đựng được nữa, bà đã dọn ra ngoài sống riêng và đưa con về quê ở với ông bà ngoại, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ.

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 hiện đang thực tế cư ngụ tại địa phương.

Xét thấy, ông Nguyễn Văn S không đến Tòa theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến về việc có hay không đồng ý với yêu cầu trên của bà H và cũng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà H là không có cơ sở. Việc ông S cố tình không đến Tòa tham gia tố tụng là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo bà H trình bày, bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà đã dọn ra ngoài sống riêng từ năm 2020 đến nay, bà và ông S không có sự trao đổi, nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy sống. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà H và ông S đã không còn sống chung với nhau, cả hai không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S là trầm trọng, cả hai không còn sống chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S không còn tồn tại, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị H với ông Nguyễn Văn S.

[3.2] Về con chung:

Bà Trịnh Thị H xác định giữa bà và ông Nguyễn Văn S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kim C (nữ), sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Quốc B (nam), sinh ngày 14/02/2019. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét, trẻ Nguyễn Quốc B hiện đang còn nhỏ, nhằm tạo điều kiện cho trẻ phát triển ổn định về cả tâm lý và thể chất nên giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đối với trẻ Nguyễn Thị Kim C đã có yêu cầu được tiếp tục ở với mẹ tại Đơn xin xác nhận ngày 27/10/2022 (có xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà H xác định giữa bà và ông Nguyễn Văn S không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bà Trịnh Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn, bà Trịnh Thị H và bị đơn, ông Nguyễn Văn S.

- Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị H. Cho bà Trịnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho bà Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Kim C (nữ), sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Quốc B (nam), sinh ngày 14/02/2019, ông Nguyễn Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2021/0014786 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang.TK).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Bùi Tường Vân